

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP VỚI KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN Ở TỈNH THÁI BÌNH VÀ HÒA BÌNH

Nguyễn Trọng Đắc, Trần Mạnh Hải, Bạch Văn Thủy

Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Email: trongdac@gmail.com*

Ngày gửi bài: 18.06.2014

Ngày chấp nhận: 01.09.2014

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm khảo sát hoạt động dịch vụ của các hợp tác xã (HTX) nông nghiệp và vai trò của nó với kinh tế hộ nông dân qua ý kiến đánh giá của các hộ xã viên tại 2 tỉnh Thái Bình và Hòa Bình. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng đa số các hộ nông dân đều biết rõ và sử dụng những dịch vụ (DV) cơ bản của HTX như: Cung ứng vật tư đầu vào nông nghiệp, Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật (TBKT), Bảo vệ thực vật, Thủy nông, Hỗ trợ quản lý sản xuất. Chất lượng các dịch vụ của HTX sau khi tham gia các hoạt động của Dự án MARD-JICA được xã viên đánh giá tốt. Tỷ lệ hộ xã viên đánh giá thu nhập của họ tăng lên nhờ các dịch vụ của HTX là khác nhau giữa hai tỉnh nhưng đều ở mức cao đã chứng tỏ vai trò quan trọng của các HTX trong việc cung ứng các dịch vụ cho hộ xã viên. Hộ xã viên cũng đề nghị trong thời gian tới dịch vụ của HTX nên đa dạng hơn và nên mở rộng quy mô ở hầu hết các loại dịch vụ. Đặc biệt đối với các dịch vụ như: Dịch vụ cung cấp phân bón và vật tư đầu vào nông nghiệp; Dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, Dịch vụ chuyển giao TBKT, Dịch vụ canh tác bằng máy, Dịch vụ bảo vệ thực vật, Dịch vụ hỗ trợ quản lý sản xuất của hộ, cần được mở rộng và cải thiện hơn.

Từ khóa: Dịch vụ, hộ nông dân, hợp tác xã nông nghiệp.

Services of Agricultural Cooperatives for Farm Households Business in Thai Binh and Hoa Binh Provinces

ABSTRACT

The study investigated service activities of agricultural cooperatives and the role of services for farm households business through farmers' assessment in Thai Binh and Hoa Binh provinces. The results showed that most of farmers are aware of and use basic services from agricultural cooperatives such as supply of agricultural inputs, transfer of advanced technology, crop protection, irrigation, and farm production management support. The quality of services after cooperative joint in MARD-JICA Project was rated by farmers with good remarks. The proportion of farm households reported that their income improved by services of the cooperative varied but at a high level for all of the two provinces, indicating that the important role of cooperatives in providing services to farm households. Farm households also suggested that services of agricultural cooperatives should be diversified and expanded in scale in almost types of services in the future. Especially, some services such as supply of inputs, marketing support, transfer of advanced technology, mechanical cultivation, crop protection, and farm production management support should be expanded and improved.

Keywords: Agricultural cooperative, farm household, services.

1. MỞ ĐẦU

1.1. Sự cần thiết của nghiên cứu

Hợp tác xã (HTX) nông nghiệp ở Việt Nam đóng vai trò rất quan trọng trong chiến lược của

Chính phủ về phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn hướng đến sự phát triển bền vững đất nước.

Từ năm 2006, Giai đoạn I Dự án hỗ trợ về kỹ thuật của Chính phủ Nhật Bản nhằm tăng

cường vai trò, năng lực của các HTX nông nghiệp ở Việt Nam theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam được triển khai. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với sự hỗ trợ của tổ chức JICA đã tiến hành thực hiện Dự án “*Tăng cường chức năng hoạt động của các Hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam*”.

Đầu năm 2010, hầu hết các hoạt động của giai đoạn I đã được hoàn thành. Một cuộc khảo sát hộ nông dân xã viên nhằm đánh giá: Tình hình hộ xã viên sử dụng dịch vụ của HTX nông nghiệp? Vai trò của các dịch vụ HTX sau khi tham gia Dự án đối với các hộ xã viên? Tình hình sản xuất kinh doanh và thu nhập của hộ xã viên có được cải thiện?

1.2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu của cuộc khảo sát là nhằm trả lời câu hỏi: Sau khi tham gia vào các hoạt động Dự án MARD-JICA, thì các hoạt động dịch vụ của HTX nông nghiệp mang đến cho các hộ nông dân xã viên là gì?

1.3. Nhóm nghiên cứu

Cuộc khảo sát được thực hiện bởi nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Nông nghiệp Hà

Nội với sự chủ trì của Giảng viên chính, Thạc sĩ Nguyễn Trọng Đắc, Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, tiến hành từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2010.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Chọn điểm khảo sát, nghiên cứu

Trong giai đoạn I, có 3 HTX là các HTX dự án, gồm: HTX Bình Định (Kiến Xương, Thái Bình), HTX An Ninh (Tiền Hải, Thái Bình), HTX Đồng Tâm I (Lạc Thủy, Hòa Bình). Đồng thời, có 6 HTX khác ở tỉnh Thái Bình và 5 hợp tác xã khác ở tỉnh Hòa Bình đã được lựa chọn làm các HTX vệ tinh. Trong khảo sát này, 7 HTX đã được lựa chọn để tiến hành khảo sát gồm: 3 HTX dự án; và 4 HTX vệ tinh, gồm: HTX Nguyễn Xá (Vũ Thư, Thái Bình), HTX Hồng An (Hưng Hà, Thái Bình), HTX Dân Chủ (TP Hòa Bình, Hòa Bình), HTX Mu Riêng (Lạc Sơn, Hòa Bình) (Dự án MARD-JICA, 2008).

2.2. Chọn mẫu khảo sát

Các hộ xã viên được lựa chọn ngẫu nhiên từ mỗi HTX trên, dựa trên tổng số xã viên HTX với quy mô mẫu khảo sát như sau:

Bảng 2.1. Xác định Quy mô Mẫu khảo sát

Chỉ tiêu	Tổng số hộ xã viên	Quy mô hộ xã viên khảo sát
HTX có quy mô xã viên	<500	50
HTX có quy mô xã viên	500 - 1500	70
HTX có quy mô xã viên	>1500	100

Bảng 2.2. Số mẫu Đã lựa chọn để khảo sát

Tên HTX	Tổng số hộ xã viên	Số hộ được chọn
Mu Riêng	240	50
Dân Chủ	467	50
Đồng Tâm	508	70
Bình Định	2771	100
An Ninh	2040	100
Nguyễn Xá	1799	100
Hồng An	2273	100
Tổng cộng	10,098	570

2.3. Thiết kế bảng hỏi

Bảng hỏi được lập với 5 phần chính, đó là: 1) Thông tin chung của hộ xã viên; 2) Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của hộ; 3) Các dịch vụ của HTX và việc sử dụng dịch vụ hộ; 4) Tác động của những dịch vụ của HTX sau dự án đối với hoạt động sản xuất kinh doanh và thu nhập của hộ; 5) Yêu cầu với các hoạt động dịch vụ của HTX trong thời gian tới.

2.4. Phân tích thông tin

1) Có 25 khía cạnh về: Hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ xã viên; Sử dụng các dịch vụ HTX của hộ xã viên; Những tác động của dịch vụ HTX sau dự án đến hoạt động sản xuất kinh doanh và thu nhập của hộ xã viên đã được phân tích.

2) Có 3 hướng so sánh được thực hiện gồm: So sánh giữa 2 tỉnh: Thái Bình và Hòa Bình; So sánh 4 mức độ về điều kiện kinh tế của hộ: giàu, khá, trung bình, nghèo; So sánh 2 nhóm HTX: HTX dự án và HTX vệ tinh.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thông tin chung về hộ, chủ hộ và các hoạt động kinh tế của hộ

Trong tổng số hộ được khảo sát, có 328 hộ thuần nông, chiếm 57,54%; có 242 hộ sản xuất nông nghiệp kiêm ngành nghề thủ công và/hoặc buôn bán nhỏ và/hoặc hộ khác, chiếm 42,46%.

Trình độ học vấn trung bình của chủ hộ là 7,8 năm đi học và không có nhiều khác biệt giữa 2 tỉnh Thái Bình và Hòa Bình. Tỉnh trung bình 1 hộ có 3,75 nhân khẩu và 2,08 lao động.

Xem xét về điều kiện kinh tế của các hộ khảo sát, ở tỉnh Thái Bình, có 5 hộ cho rằng họ ở mức giàu, chiếm 1,2% số hộ được khảo sát, ở HTX Hồng An là 1 hộ, ở HTX An Ninh là 01 hộ và ở HTX Bình Định là 3 hộ. Ở tỉnh Hòa Bình, có 04 hộ thừa nhận rằng hộ gia đình họ ở mức giàu, chiếm 2,3% tổng số hộ được khảo sát. Như vậy, xét theo điều kiện kinh tế của hộ thì nhóm hộ khá và trung bình chiếm tỷ trọng lớn nhất với 93,0% tổng số hộ.

Bảng 3.1. Thông tin về chủ hộ, nhân khẩu và lao động của các hộ xã viên năm 2010

Chỉ tiêu	ĐVT	Theo tỉnh		Theo loại hộ		Tổng số
		Thái Bình	Hòa Bình	Thuần nông	Kiểm ngành nghề	
Tổng số hộ được khảo sát	Hộ	400	170	328	242	570
Tuổi bình quân của chủ hộ	Tuổi	50,9	46,8	51,4	47,9	49,7
Học vấn của chủ hộ	Năm học	7,8	7,7	7,6	7,9	7,8
Nhân khẩu/hộ	Người	3,7	3,87	3,92	3,53	3,75
Lao động/hộ	Lao động	2,13	1,98	2,02	2,17	2,08

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ khảo sát

Bảng 3.2. Các loại hình sản xuất kinh doanh của hộ xã viên năm 2010 (% số hộ)

Chỉ tiêu	Theo tỉnh			Theo điều kiện kinh tế của hộ		
	Thái Bình	Hòa Bình	Giàu	Khá	Trung bình	Nghèo
Nông nghiệp	51,7	67,8	33,3	53,5	57	74,2
Nông nghiệp - Thủ công	24,4	4,1	0	15,1	20,3	16,1
Nông nghiệp - Buôn bán nhỏ	12,4	9,4	22,2	11,9	11,8	3,2
Nông nghiệp - Thủ công - Buôn bán nhỏ	1,7	2,3	11,1	3,8	1,1	0
Thủ công - Buôn bán nhỏ	0,6	0	0	0,6	0,3	0
Khác	9,2	16,4	33,3	15,1	9,6	6,5

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ khảo sát

Về nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ, tính trung bình, 1 hộ ở tỉnh Thái Bình có 2.188m² đất trồng lúa và 292m² đất trồng cây hàng năm khác và hầu hết các hộ không có đất trồng cây ăn quả lâu năm. Trong khi đó ở tỉnh Hòa Bình, 1 hộ có bình quân 2.386m² đất trồng lúa, 952m² đất trồng cây hàng năm khác và 321m² đất trồng cây ăn quả lâu năm và cây công nghiệp.

Trong tổng số 570 hộ được khảo sát, ở Thái Bình số hộ có hoạt động trồng lúa là 99,0% và 53,7% số hộ có lúa để bán, ở Hòa Bình số liệu này lần lượt là 98,2% và 21,62%.

3.2. Các dịch vụ của HTX và sử dụng các dịch vụ HTX của các hộ nông dân xã viên

Hầu hết các hộ xã viên đều biết rõ về những dịch vụ cơ bản của HTX như cung ứng vật tư đầu vào nông nghiệp, chuyển giao TSKT, bảo vệ thực vật, thủy nông, tư

vấn quản lý sản xuất. Một số dịch vụ như: hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, làm đất bằng máy, thu hoạch lúa bằng máy... ở một số HTX cũng được hộ nhận biết và sử dụng (Nguyễn Trọng Đắc, 2010).

Ở tỉnh Thái Bình, có 82,3% số hộ có mua thóc giống, 82,7% số hộ có mua phân bón và 87,0% số hộ có mua thuốc bảo vệ thực vật từ dịch vụ của HTX; các con số này ở tỉnh Hòa Bình lần lượt là 62,4%, 56,4% và 46,7%. Riêng thức ăn chăn nuôi (TACN), thì tỷ lệ số hộ nông dân xã viên mua từ HTX là rất thấp, với 6,4% ở tỉnh Thái Bình và 1,2% ở tỉnh Hòa Bình (Nguyễn Trọng Đắc, 2010).

Qua khảo sát thấy, lý do chính mà hầu hết các hộ nông dân mua các loại vật tư đầu vào nông nghiệp từ dịch vụ của HTX là bởi vì các loại vật tư mà HTX cung cấp có chất lượng ổn định và tốt hơn, cùng với những hướng dẫn sử dụng từng loại vật tư rõ ràng từ HTX.

Bảng 3.3. Tỷ lệ xã viên nhận biết các dịch vụ của HTX năm 2010 (% số hộ)

Các dịch vụ của HTX	Thái Bình				Hòa Bình		
	Bình Định	An Ninh	Nguyễn Xá	Hồng An	Đồng Tâm	Dân Chủ	Mu Riêng
Bán phân bón và vật tư đầu vào nông nghiệp	100	83	100	100	95,8	98	100
Chuyển giao TSKT	100	83	99	99	95,8	88,0	100
Bảo vệ thực vật	100	82	100	100	88,7	90	100
Làm đất bằng máy	0	45	100	97	0	0	0
Máy gặt đập liên hợp	0	82	100	0	0	0	0
Dịch vụ thủy nông	100	83	100	100	95,8	92	76
Dịch vụ tín dụng	100	83	99	1	90,1	10	8
Dịch vụ thú y	100	28	0	100	1,4	66	44

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ khảo sát

Bảng 3.4. Nguồn cung ứng vật tư đầu vào nông nghiệp hộ xã viên đã mua và sử dụng (% của từng vật tư)

Loại vật tư đầu vào	Thái Bình				Hòa Bình			
	Từ HTX	Tự cung ứng	Từ tư nhân	Nguồn Khác	Từ HTX	Tự cung ứng	Từ tư nhân	Nguồn Khác
Thóc giống	82,3	10,4	6,6	0,7	62,4	10,1	23,9	3,6
Phân bón	82,7	0,25	16,45	0,6	56,4	4,8	37,6	1,2
Thuốc BVTV	87	0,5	11,1	1,4	46,7	4,87	43,3	5,13
Thức ăn chăn nuôi	6,4	3,2	90,0	0,4	1,2	2,8	95,4	0,6

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ khảo sát

Bảng 3.5. Lý do các hộ xã viên sử dụng dịch vụ cung ứng vật tư đầu vào từ HTX (% số hộ)

Lý do	Thái Bình				Hòa Bình			
	Thóc giống	Phân bón	Thuốc BVTV	TACN	Thóc giống	Phân bón	Thuốc BVTV	TACN
Giá bán thấp	8,4	8,3	0	10,5	28,1	25,9	15,9	0
Chất lượng tốt và ổn định	90,3	82,3	77,2	89,5	87,5	83,3	72,7	50
Thanh toán thuận tiện	38,9	45,3	37,7	0	47,7	52,8	43,2	50
Dễ vận chuyển	53	70,9	51,2	57,9	74,2	70,4	59,1	0
Hướng dẫn sử dụng tốt	61,5	68,4	69,4	68,4	70,3	63,0	59,1	0

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ khảo sát

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết các hộ nông dân đang sử dụng dịch vụ chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ của HTX như: các giống lúa mới, kỹ thuật canh tác mới, tập huấn khuyến nông.

Về dịch vụ bảo vệ thực vật, có 97,8% nông dân ở tỉnh Thái Bình sử dụng dịch vụ này từ

HTX, trong khi ở tỉnh Hòa Bình chỉ có 85,4% số hộ sử dụng dịch vụ của HTX. Tỷ lệ số hộ tham gia dịch vụ bảo vệ thực vật của các HTX cũng không có sự khác nhau nhiều khi xem xét theo điều kiện kinh tế hộ. Điều này cho thấy đây là dịch vụ cần thiết đối với hầu hết xã viên HTX.

Bảng 3.6. Tỷ lệ hộ xã viên sử dụng dịch vụ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật từ HTX (% số hộ)

Loại dịch vụ chuyển giao TBKT	Thái Bình	Hòa Bình	Chung 2 tỉnh
- Giống lúa mới	87,8	81,2	86,0
- Kỹ thuật canh tác mới	73,0	73,2	73,1
- Tập huấn khuyến nông	76,5	62,4	72,5

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ khảo sát

Bảng 3.7. Tỷ lệ hộ xã viên sử dụng dịch vụ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật từ HTX (theo điều kiện kinh tế của hộ) (% số hộ)

Loại dịch vụ chuyển giao TBKT	Hộ giàu	Hộ khá	Hộ TB	Hộ nghèo
- Giống lúa mới	75,0	87,2	85,5	88,0
- Kỹ thuật canh tác mới	62,5	77,7	72,8	52,0
- Tập huấn khuyến nông	50,0	77,0	71,7	64,0

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ khảo sát

Bảng 3.8. Tỷ lệ hộ sử dụng dịch vụ bảo vệ thực vật của HTX (% số hộ)

Chỉ tiêu	Theo tỉnh		Cộng
	Thái Bình	Hòa Bình	
- Cảnh báo sâu bệnh hại cây trồng	91,9	94,6	92,6
- Hướng dẫn phương pháp bảo vệ	80,2	83,2	81,0
- Hướng dẫn loại thuốc BVTV cần mua	92,4	93,3	92,6
- Hướng dẫn cách sử dụng đối với từng loại thuốc BVTV	91,1	91,3	91,1

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ khảo sát

Bảng 3.9. Tình hình hộ xã viên sử dụng dịch vụ làm đất bằng máy (% số hộ)

Chỉ tiêu	Theo điều kiện kinh tế của hộ			
	Hộ giàu	Hộ khá	Hộ trung bình	Hộ nghèo
- Bàng máy móc của HTX	0	31,3	25,4	16,7
- Bàng máy móc của tư nhân do HTX tổ chức	0	68,7	74,6	83,3
- Bàng dịch vụ tư nhân	33,3	68,5	67,5	76,0
- Hộ tự làm	66,7	31,5	32,5	24,0

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ khảo sát

Bảng 3.10. Đánh giá của hộ xã viên về dịch vụ thủy nông của HTX (% số hộ)

Chỉ tiêu	Theo tỉnh		Chung 2 tỉnh
	Thái Bình	Hòa Bình	
Dịch vụ tưới nước của HTX:			
- Phù hợp và có tác dụng tốt	70,2	68,7	69,8
- Không phù hợp và không có tác dụng	29,8	33,3	30,7
Dịch vụ tiêu nước của HTX:			
- Phù hợp và có tác dụng	67,2	64,6	66,5
- Không phù hợp và không có tác dụng	28,2	32,0	29,3

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ khảo sát

Đối với dịch vụ làm đất bằng máy, ở tỉnh Thái Bình có tới 43,52% số hộ sử dụng dịch vụ này từ HTX, nhưng các HTX khảo sát ở tỉnh Hòa Bình không có dịch vụ này. Tỷ lệ hộ sử dụng dịch vụ làm đất bằng máy cao nhất là ở HTX Nguyễn Xá.

Xét theo điều kiện kinh tế, nhóm hộ giàu có mức độ sử dụng dịch vụ làm đất của HTX thấp, có đến 2/3 số hộ giàu thực hiện khâu làm đất bằng máy móc của chính họ. Nguyên nhân của thực tế này nằm ở cả phía HTX và hộ, một mặt dịch vụ của HTX chưa thực sự tốt và kịp thời, mặt khác nhóm hộ giàu có hộ tự mua sắm phương tiện để canh tác hoặc sử dụng dịch vụ làm đất của tư nhân, bởi họ cho rằng chất lượng dịch vụ làm đất của HTX chưa thực sự tốt và chưa kịp thời (Nguyễn Trọng Đắc, 2010).

Về dịch vụ thủy nông, có 97,8% số hộ nông dân ở tỉnh Thái Bình sử dụng dịch vụ này, còn ở tỉnh Hòa Bình con số này là 86,0%. Tỷ lệ hộ sử dụng dịch vụ thủy nông ở các HTX dự án là 96,3% và thấp hơn so với các HTX vệ tinh (92,4%). Khoảng 2/3 số xã viên HTX cho rằng các dịch vụ tưới và tiêu nước của HTX là phù

hợp và có tác dụng tốt, nhưng còn có tới 30% số xã viên HTX nói rằng dịch vụ này là vẫn chưa thật tốt.

Đối với dịch vụ tín dụng, ở Thái Bình có 6,5% số xã viên vay tiền từ dịch vụ tín dụng của HTX, nhưng ở Hòa Bình con số này chỉ là 5,3%. Việc vay vốn từ dịch vụ tín dụng của HTX của hộ giàu là 11,1%, của hộ khá là 7,5%, của hộ trung bình là 5,1%, của hộ nghèo là 9,7%.

Dịch vụ tư vấn quản lý sản xuất nông nghiệp của HTX nhận được sự tham gia tích cực của các hộ xã viên. Ở Thái Bình, có 97,8% số hộ và ở Hòa Bình là 95,9% số hộ nhận sự tư vấn từ dịch vụ này của HTX.

3.3. Đánh giá của hộ xã viên về chất lượng dịch vụ của HTX và ảnh hưởng của các dịch vụ của HTX đến sản xuất kinh doanh và thu nhập của hộ

3.3.1. Đánh giá về chất lượng dịch vụ của HTX

Đánh giá về chất lượng của các dịch vụ HTX, có 13,2% tổng số xã viên HTX được khảo sát cho rằng các dịch vụ của HTX là rất tốt, 60,7% số hộ

xã viên đánh giá là tốt, 24,4% số hộ cho rằng bình thường và chỉ có 1,7% số hộ cho là kém.

Ở những HTX dự án, 8,1% số hộ đánh giá rằng các dịch vụ của HTX là rất tốt, 70,4% số hộ cho là tốt, 20,4% số hộ cho là bình thường và chỉ có 1,1% số hộ đánh giá là kém. Đối với những HTX vệ tinh, có 17,7% số hộ xã viên đánh giá các dịch vụ là rất tốt; 52,0% số hộ cho là tốt; 28,0% số hộ cho là bình thường và có 2,3% số hộ đánh giá các dịch vụ này là kém.

3.3.2. Đánh giá về ảnh hưởng của dịch vụ của HTX đến thu nhập của hộ

Qua khảo sát, có 38,0% số hộ xã viên khảo sát ở Thái Bình và 34,5% số hộ xã viên ở Hòa Bình cho biết thu nhập của hộ tăng lên rất nhiều sau khi sử dụng dịch vụ của HTX; Số hộ có thu nhập của hộ tăng lên một chút là 52,0% ở Thái Bình và 50,3% ở Hòa Bình; Số hộ có thu nhập của hộ không thay đổi là 52,0% ở Thái Bình và 50,3% ở Hòa Bình; Chỉ có 0,5% hộ ở Thái Bình và 0,6% hộ ở tỉnh Hòa Bình cho rằng thu nhập của họ giảm xuống.

3.4. Yêu cầu của hộ xã viên về các hoạt động dịch vụ của HTX trong thời gian tới

Đa số các hộ xã viên HTX được khảo sát đều mong muốn hầu hết các dịch vụ của HTX sẽ được mở rộng hơn nữa trong thời gian tới. Về dịch vụ bán phân bón và vật tư đầu vào nông nghiệp, có 75,0% số xã viên ở Thái Bình và 90,5% số hộ ở Hòa Bình mong muốn HTX mở rộng, đồng thời 69,6% số hộ ở các HTX dự án và 88,7% số hộ ở các HTX vệ tinh cũng mong muốn mở rộng dịch vụ này (Nguyễn Trọng Đắc, 2010).

Dịch vụ chuyển giao tiến bộ công nghệ từ HTX tới hộ nông dân cũng được yêu cầu mở rộng trong thời gian tới với 76,3% số xã viên ở Thái Bình và 86,5% xã viên ở Hòa Bình, 66,3% xã viên ở các HTX dự án và 91,0% xã viên ở các HTX vệ tinh.

Dịch vụ bảo vệ thực vật được yêu cầu mở rộng bởi 70,0% hộ ở Thái Bình; 82,4% số hộ ở Hòa Bình; 63,0% hộ ở các HTX dự án và 83,3% hộ ở các HTX vệ tinh.

Xã viên cũng đòi hỏi HTX mở rộng số lượng các dịch vụ về hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ làm đất bằng máy, dịch vụ thu hoạch lúa bằng máy, dịch vụ thủy nông, dịch vụ tín dụng, dịch vụ thú y và dịch vụ hỗ trợ quản lý sản xuất của hộ.

Bảng 3.11. Yêu cầu của xã viên về các hoạt động dịch vụ của HTX trong thời gian tới (% số hộ)

Các dịch vụ của HTX	Thái Bình				Hòa Bình			
	Mở rộng	Giữ nguyên	Thu hẹp	Dừng DV	Mở rộng	Giữ nguyên	Thu hẹp	Dừng DV
Bán phân bón và đầu vào khác	75,0	23,0	0	0	90,5	7,06	0,00	1,18
Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm	69,2	3,5	0	0	42,9	5,29	0,00	0,59
Chuyển giao TBKT	76,3	22,5	0,0	0,0	86,5	10,6	0,0	1,2
Bảo vệ thực vật	70,0	30,3	0,3	0,0	82,4	9,4	0,0	1,2
Làm đất bằng máy	43,0	12,8	0,0	0,0	21,8	0,0	0,0	0,6
Thu hoạch lúa bằng máy	35,3	6,3	0,0	0,0	14,1	1,8	0,0	0,6
Thủy nông	63,3	20,3	0,3	0,0	68,2	7,1	0,6	1,8
Tín dụng	40,0	27,8	0,0	0,0	40,0	16,5	0,0	0,6
Hỗ trợ quản lý sản xuất của hộ	52,5	32,8	0,3	0,0	57,6	5,9	0,0	0,6
Thú y	15,3	35,0	0,5	0,0	44,7	4,7	0,0	0,6

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ khảo sát

4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Trong giai đoạn 2006 - 2010, các HTX dự án và HTX vệ tinh đã nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ "Dự án tăng cường chức năng hoạt động của HTX nông nghiệp ở Việt Nam" về đầu tư, tăng cường năng lực làm việc và việc lập kế hoạch giữa nhiệm kỳ cho các thành viên ban quản lý HTX, cải thiện các dịch vụ của HTX. Một loạt các hoạt động của dự án đã được thực thi nhằm hỗ trợ cho các HTX dự án và HTX vệ tinh. Khu văn phòng làm việc cho các HTX dự án đã được xây dựng, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị đã được đầu tư và đưa vào hoạt động, trang thiết bị cũng được lắp đặt cho các HTX vệ tinh. Đồng thời, các thành viên trong Ban quản lý ở các HTX dự án và HTX vệ tinh đã được đào tạo ở một loạt các khóa tập huấn và tham quan học tập thực tế các HTX điển hình tốt và có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động dịch vụ ở Việt Nam cũng như một số nước (Nhật Bản, Thái Lan và Philippin).

Với sự hỗ trợ mạnh mẽ của các hoạt động Dự án, các hoạt động dịch vụ ở cả HTX dự án và HTX vệ tinh đã được đa dạng hơn, chất lượng các dịch vụ cũng từng bước được cải thiện. Những kết quả quan trọng đạt được là hoạt động sản xuất nông nghiệp của các hộ xã viên được cải thiện và thu nhập của đa số xã viên tăng lên ở cả HTX dự án và HTX vệ tinh.

Đánh giá về các dịch vụ của HTX sau khi tham gia các hoạt động của Dự án, xã viên ở Thái Bình cho biết chất lượng các dịch vụ là rất tốt chiếm 16,8% số hộ, chất lượng các dịch vụ là tốt chiếm 64,0% số hộ, ở Hòa Bình con số này lần lượt là 4,7% và 52,9%.

Xét về thu nhập của hộ xã viên, ở tỉnh Thái Bình có 45,0% số hộ có thu nhập tăng lên nhiều, 49,2% số hộ có thu nhập tăng lên một chút. Ở Hòa Bình, 48,8% số hộ có thu nhập tăng lên nhiều và 45,9% số hộ có thu nhập tăng lên một chút. Kết quả khảo sát cho thấy, chỉ có 4,0% số hộ ở Thái Bình và 4,7% số hộ ở Hòa Bình có thu nhập không thay đổi. Và có 1,8% số hộ ở Thái Bình, 0,6% số hộ ở Hòa Bình cho là thu nhập của hộ gia đình họ bị giảm xuống trong giai đoạn 2006 - 2010.

4.2. Khuyến nghị

Qua khảo sát, các xã viên gợi ý rằng trong thời gian tới các dịch vụ của HTX nên đa dạng hơn và nên mở rộng quy mô ở hầu hết các loại dịch vụ. Đặc biệt đối với các dịch vụ như: Dịch vụ cung cấp phân bón và vật tư đầu vào nông nghiệp cho hộ xã viên; Dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, Dịch vụ chuyển giao TBKT từ HTX đến nông dân, Dịch vụ bảo vệ thực vật được hầu hết xã viên đề xuất mở rộng và cải thiện hơn. Các hộ xã viên được khảo sát cũng gợi ý HTX nên mở rộng và cải thiện chất lượng một số dịch vụ như: Dịch vụ làm đất bằng máy, Dịch vụ thu hoạch lúa bằng máy, Dịch vụ thủy nông, Dịch vụ tín dụng, Dịch vụ thú y và Dịch vụ hỗ trợ quản lý sản xuất của hộ.

Trong giai đoạn 2006 - 2010, Dự án "Tăng cường chức năng hoạt động của các Hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam" đã có những sự hỗ trợ rất mạnh mẽ và tích cực cho các HTX dự án và một số hộ trợ cho các HTX vệ tinh. Những HTX dự án ở giai đoạn I của dự án đã tiến hành những hoạt động rất tích cực nhằm cải thiện các hoạt động dịch vụ, hỗ trợ tích cực đối với các hoạt động sản xuất nông nghiệp của hộ xã viên, từ đó mà thu nhập của hộ đã được nâng cao hơn. Trong thời gian tới, đề nghị Dự án nên lựa chọn nhiều hơn các HTX làm HTX dự án, đặc biệt là từ nhóm các HTX vệ tinh ở tỉnh Thái Bình và Hòa Bình; và dự án cũng nên mở rộng hơn ở những tỉnh khác nữa của Việt Nam. Nhờ vậy, nhiều HTX nông nghiệp ở Việt Nam có thể trở thành các HTX dự án và HTX vệ tinh, nhận được những cơ hội tốt để cải thiện các hoạt động dịch vụ nhằm hỗ trợ tích cực và có hiệu quả hơn cho hộ xã viên HTX trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dự án MARD-JICA (2008). Dự án Tăng cường chức năng hoạt động của các Hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam. Báo cáo giữa kỳ Dự án, Văn phòng Dự án MARD-JICA.
- Nguyễn Trọng Đắc (2010). Báo cáo khảo sát hộ nông dân xã viên về Hoạt động dịch vụ của các Hợp tác xã nông nghiệp tham gia Dự án MARD-JICA tại tỉnh Thái Bình và Hòa Bình, Tài liệu Dự án MARD-JICA về "Tăng cường chức năng hoạt động của các Hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam."